TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-PT
Ngày 05-4-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2018/TLPT-HNGĐ ngày 09/02/2018 tranh chấp về ly hôn.

Do Bản án sơ thẩm số 03/2018/HNGĐ-ST ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 456/2018/QĐ-PT ngày 06/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1966; trú tại: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị X, sinh năm 1965; ĐKHKTT tại: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Trịnh Văn C - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2017 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Trịnh Văn C thì:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông tự nguyện chung sống với bà Phạm Thị X từ năm 1987, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức hỏi cưới theo phong tục truyền thống Việt Nam, đến ngày 30/3/2006 hai bên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được gần 30 năm, ông và bà X có 02 con chung là Trịnh Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/11/1988 và Trịnh Hải V, sinh ngày 14/4/1994. Những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống lối sống, bà X không chia sẻ những khó khăn về kinh tế với ông, nghi ngờ ông không chung thủy. Ông đã giải thích nhiều lần nhưng bà X không nghe vì thế vợ chồng đã xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau.

Năm 2016, bà X có làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy xin ly hôn ông nhưng sau đó bà X đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nên ngày 17/6/2016, Tòa án nhân dân huyện K đã ra quyết định số 19/2017/QĐST-HNGĐ đình chỉ giải quyết vụ án. Sau một thời gian quay về chung sống với nhau, giữa ông và bà X vẫn không ai quan tâm đến ai. Nay bản thân ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

- Về con chung: Con chung của ông và bà X là Trịnh Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/11/1988 và Trịnh Hải V, sinh ngày 14/4/1994, các con ông bà đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bà Phạm Thị X thì:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn giữa bà và ông C, như ông C trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc hơn 20 năm thì phát sinh một vài mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân do bất đồng với nhau về lối sống, quan điểm sống, ông C có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác không chung thủy với bà.

Năm 2016, bà từng làm đơn đến Tòa án xin ly hôn ông C nhưng do vợ chồng vẫn còn tình cảm và ông C đã tỏ ra hối lỗi nên bà rút đơn và ngày 17/6/2016, Tòa án nhân dân huyện K đã ra Quyết định số 19/2017/QĐST-HNGĐ đình chỉ giải quyết vụ án.

Ông C hiện đang quan hệ với cô N là người thuê nhà trọ tại số nhà 30 ngõ 10, khu dân cư P, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Bản thân ông C có nhiều bệnh tật, bà rất lo lắng chạy chữa thuốc thang cho ông, mỗi lần ông C ốm đau hay giận dỗi với cô Nguyệt lại về với mẹ con bà. Việc phát sinh tình cảm với cô Nguyệt chỉ là nhất thời không phải là tình yêu, bà vẫn còn tình cảm với ông C, bà sẵn sàng tha thứ cho ông C để vợ chồng về đoàn tụ. Ông C xin ly hôn bà chỉ nhằm mục đích đến với người phụ nữ khác, bà không đồng ý ly hôn. Nay ông C có đơn xin ly hôn bà, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là Trịnh Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/11/1988 và Trịnh Hải V, sinh ngày 14/4/1994, các con của ông bà đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, công nợ: Bà và ông C không nợ ai, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án sơ thẩm 03/2018/HNGĐ-ST ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng đã:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn C xin ly hôn bà Phạm Thị X.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 17/01/2018, ông Trịnh Văn C kháng cáo không đồng ý với quyết định của án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông Trịnh Văn C trình bày:

Ngày 17/01/2018, ông đã kháng cáo đối với Bản án số 03/2018/HNGĐ-ST ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vì: Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng gần 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Bà X không chia sẻ những khó khăn về kinh tế với ông, luôn nghi ngờ ông không chung thủy. Ông đã giải thích nhiều lần nhưng bà X không nghe nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau.

Năm 2016, bà X có làm đơn xin ly hôn ông nhưng sau đó bà X đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau một thời gian về chung sống giữa ông và bà X vẫn không ai quan tâm đến ai từ 05 năm nay, ông về chung sống cùng với mẹ đẻ của ông, ông không còn ở cùng với bà X. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho ông được ly hôn với bà X.

Bị đơn bà Phạm Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đến nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ông Trịnh Văn C đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và sự điều khiển của Hội đồng xét xử tại phiên tòa.

Bà Phạm Thị X đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án vào ngày 22 tháng 3 năm 2018 nhưng tại phiên tòa bà X vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án đã tống đạt quyết định hoãn phiên tòa cho bà X, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà X vắng mặt không có lý do qua đó thấy bà X không chấp hành các quy định của pháp luật.

Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà X là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện việc khai mạc phiên tòa, hỏi, tranh tụng … tại phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên ngày 17/01/2018, ông Trịnh Văn C kháng cáo, nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, kháng cáo của ông C trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ông Trịnh Văn C và bà Phạm Thị X tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1987 được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống địa phương, ngày 30/3/2006 hai bên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng gần 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống, ông C cho rằng bà X không chia sẻ những khó khăn về kinh tế với ông, nghi ngờ ông không chung thủy vì thế vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Bà X đã từng làm đơn đến Tòa án xin ly hôn ông C nhưng sau đó, bà X đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, qua đó thấy: Mâu thuẫn của hai vợ chồng ông C, bà X chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng vẫn có thể tiếp tục kéo dài nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C với bà X là có căn cứ.

Ông C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với bà X nhưng tại phiên tòa hôm nay ông không đưa ra được căn cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng*:

[1] Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên ngày 17/01/2018, ông Trịnh Văn C đã kháng cáo, nay ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét.

- *Về nội dung quan hệ pháp luật tranh chấp*: Xét kháng cáo của ông Trịnh Văn C thấy:

[1] Ông và bà Phạm Thị X tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1987, đến ngày 30/3/2006 hai bên mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Ông và bà X chung sống hạnh phúc với nhau được gần 30 năm, ông bà đã có hai con chung, các con của ông bà đã trưởng thành. Bà X nghi ngờ ông không chung thủy, ông cho rằng bà X không chia sẻ những khó khăn với ông nhưng bà X vẫn lo lắng đến bệnh tình, sức khỏe của ông, qua đó thấy bà X vẫn còn tình cảm với ông, mâu thuẫn của hai vợ chồng ông bà chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung vẫn có thể tiếp tục vì thế Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông với bà X là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, ông không đưa ra được căn cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng là phù hợp, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

- *Về án phí*: Ông Trịnh Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn C xin ly hôn bà Phạm Thị X.

2. Về án phí: Ông Trịnh Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Ông Trịnh Văn C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2012/0006146 ngày 06/11/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo Biên lai số AA/2014/0006119 ngày 19/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Ông Trịnh Văn C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện Kiến Thụy;
- Chi Cục THADS huyện Kiến Thụy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Cường